



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư

Ngày 31/03/2024	800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	14.3%	0%

DT thuần Q1/24
0
tỷ VNĐ

LN thuần Q1/24
6.60
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.04 371%
YoY: ▲ 10.4 274%

LN sau thuế Q1/24
6.60
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.04 371%
YoY: ▲ 10.4 274%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/24

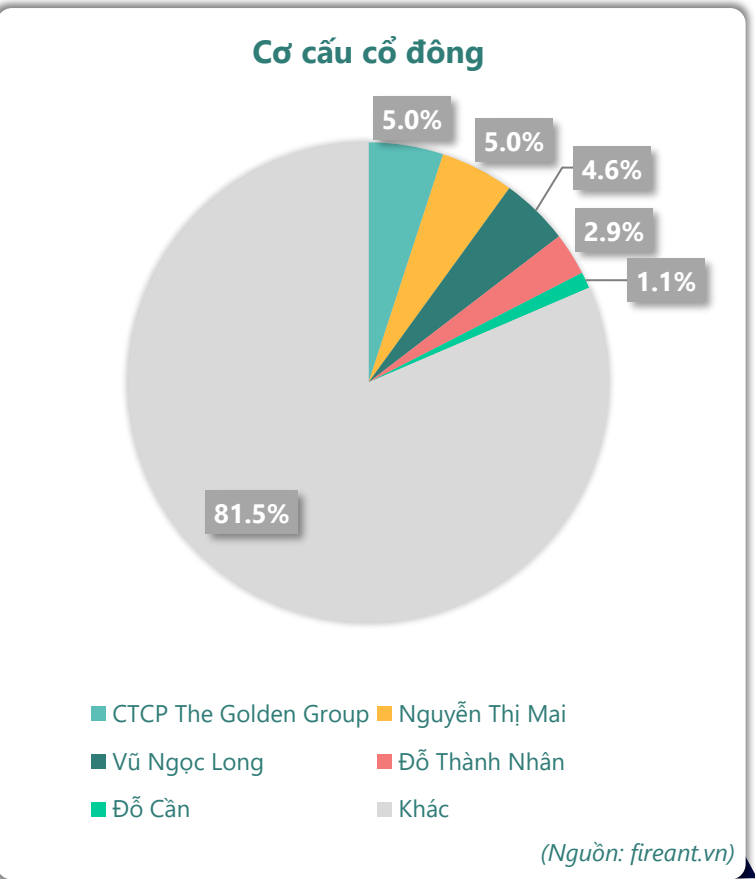
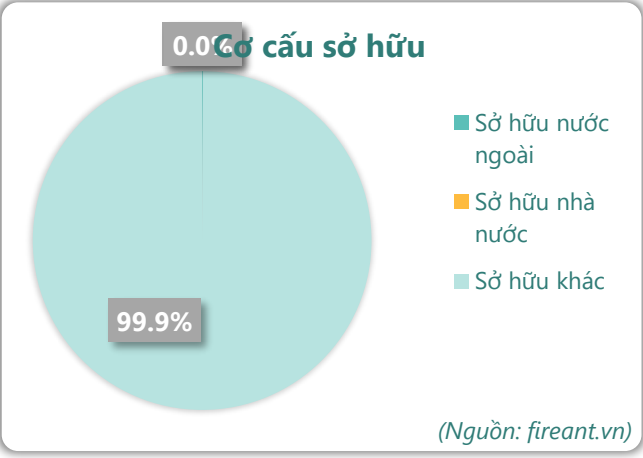
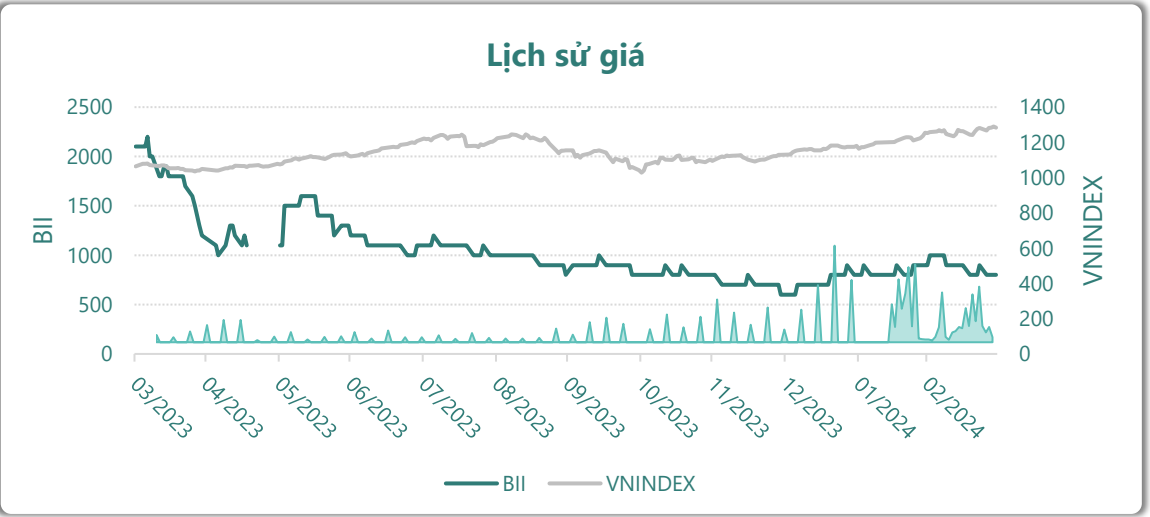
ROE (TTM) Q1/24
-0.3%
YoY: +/-▲ 1.9%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	46
Số lượng CPLH (CP)	57,680,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	170,040
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	(0.15)
EPS	-30
P/E	-26.7

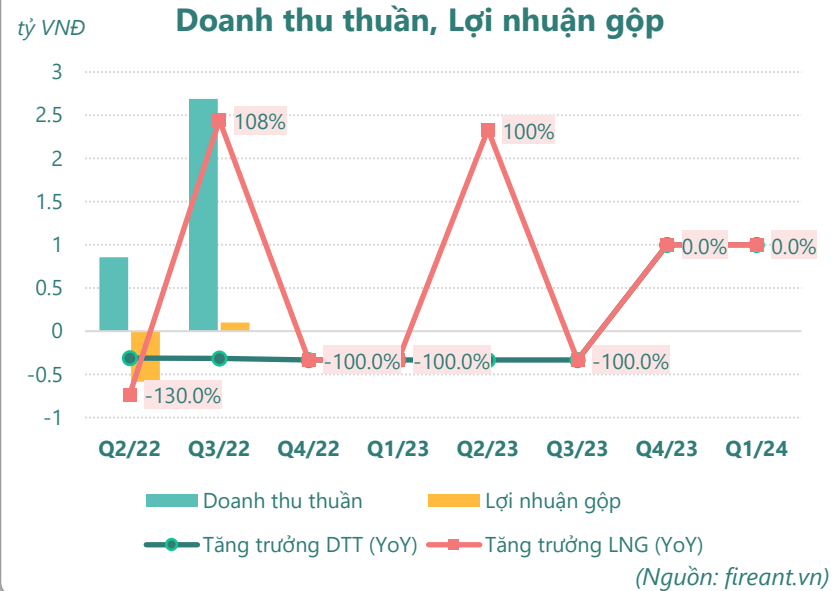
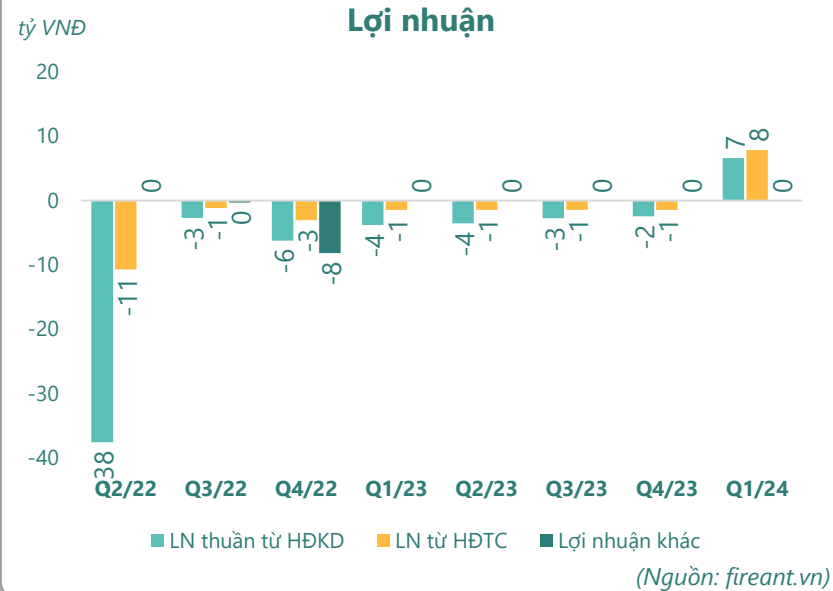
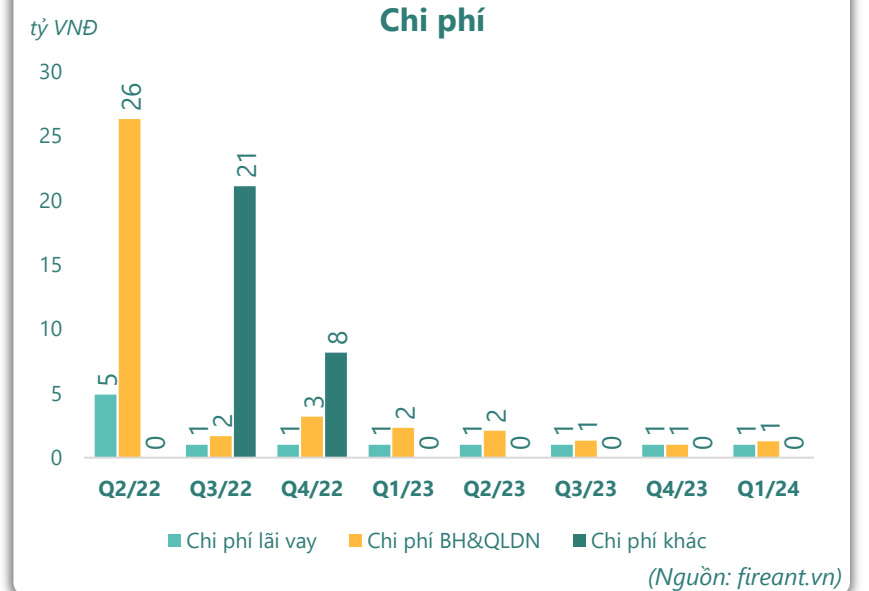
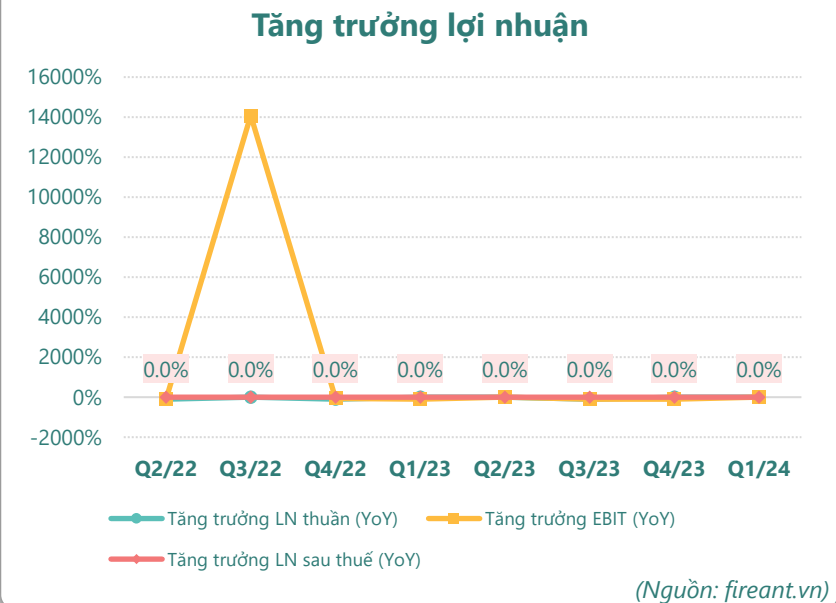
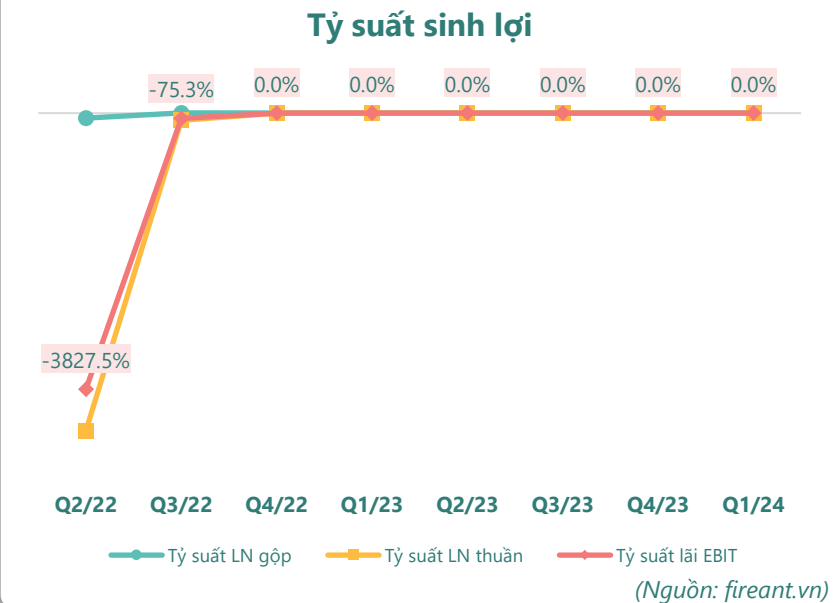
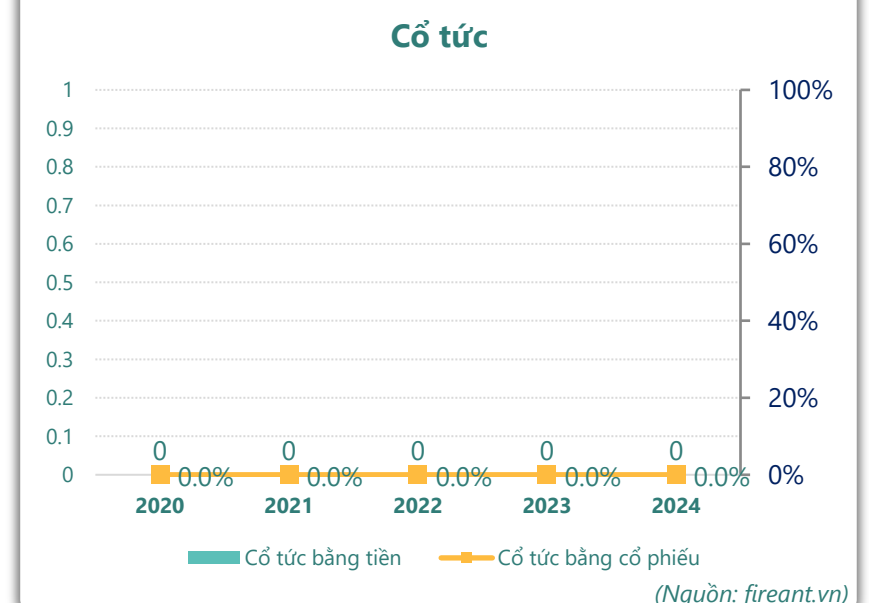
DT thuần 2023
0
tỷ VNĐ
YoY: ▼176 -100%

LN thuần 2023
-12.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 83.8 87.0%

LN sau thuế 2023
-12.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 106 89.4%



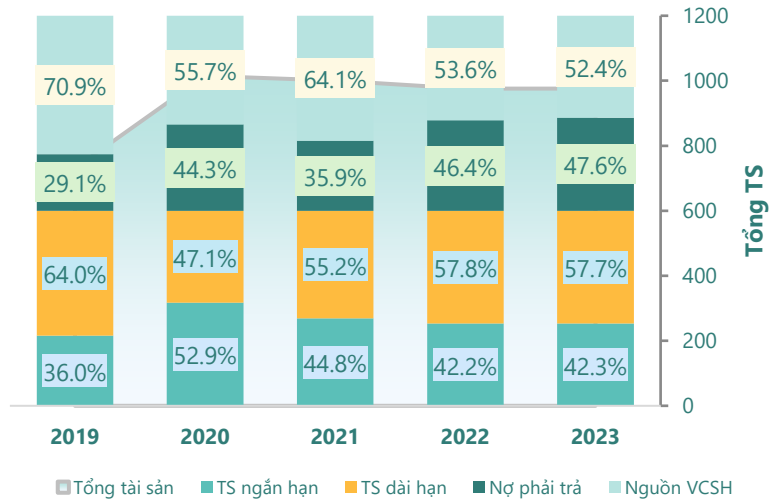
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

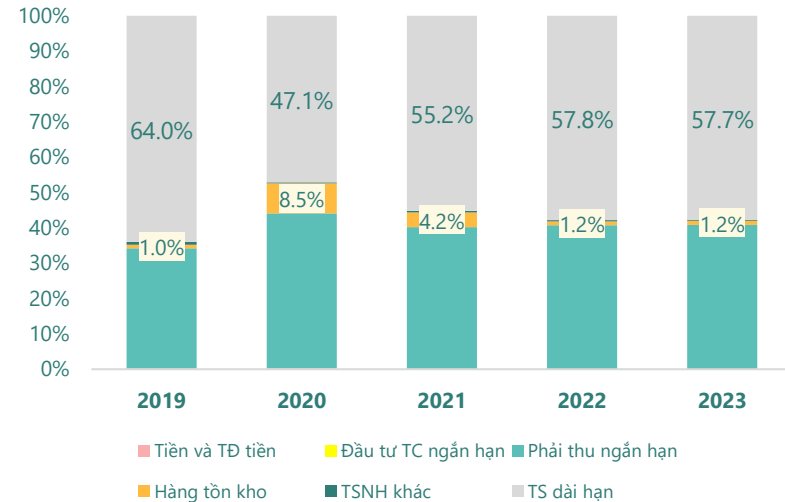
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

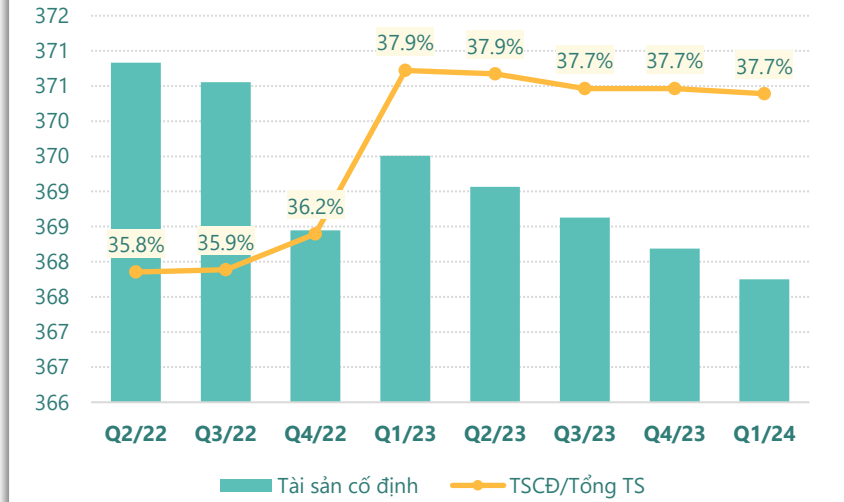
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

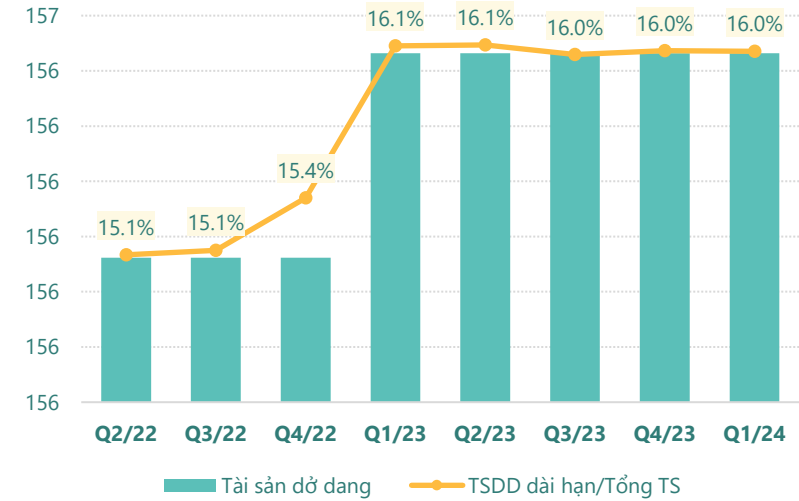
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

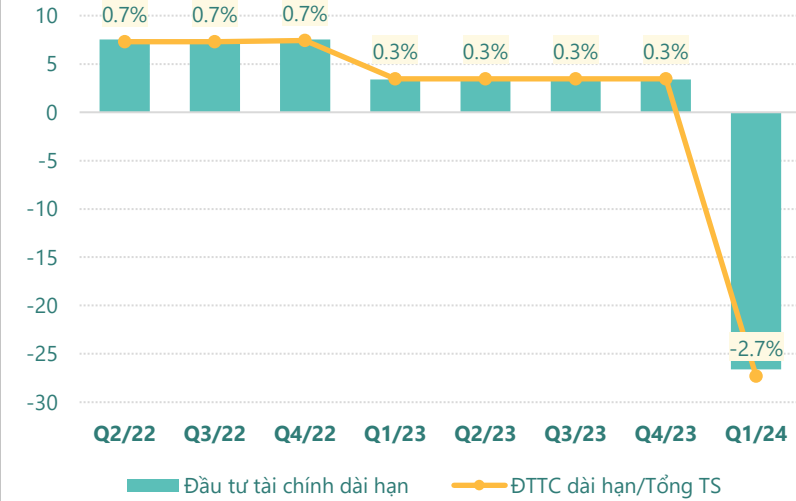
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

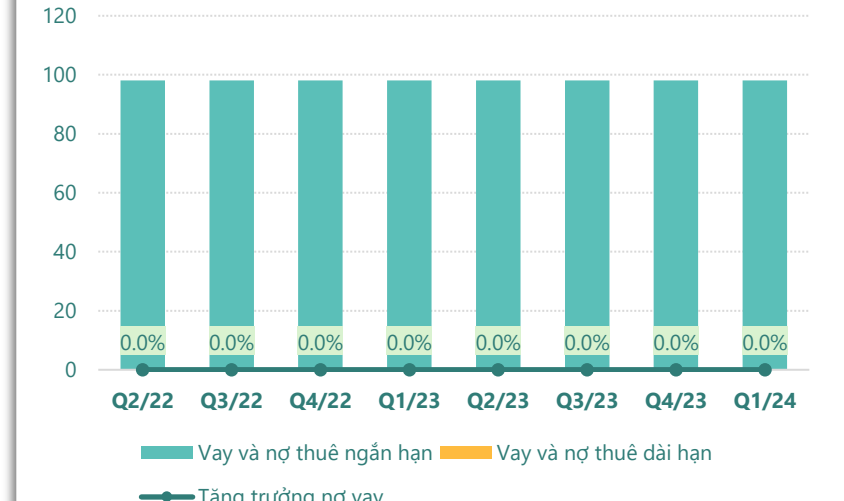
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

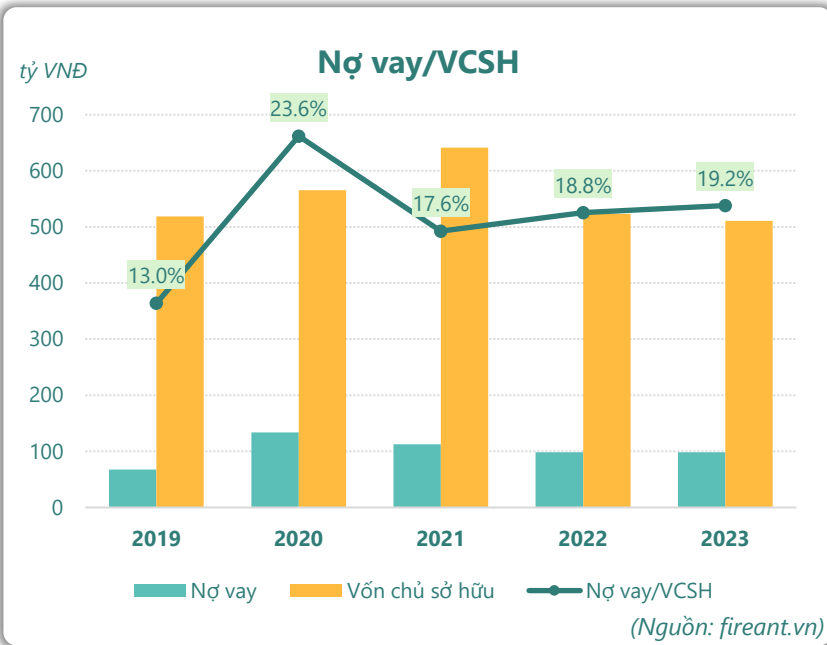
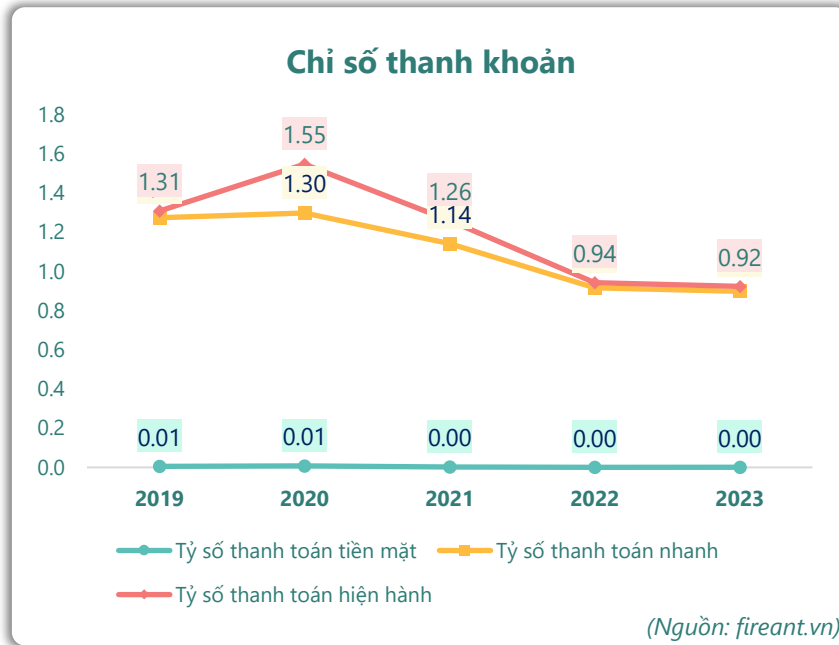
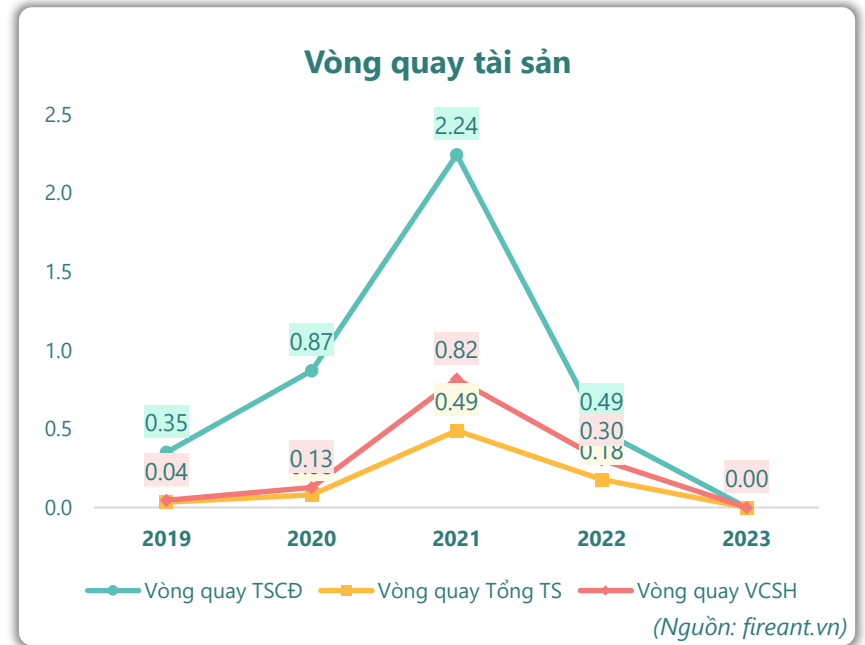
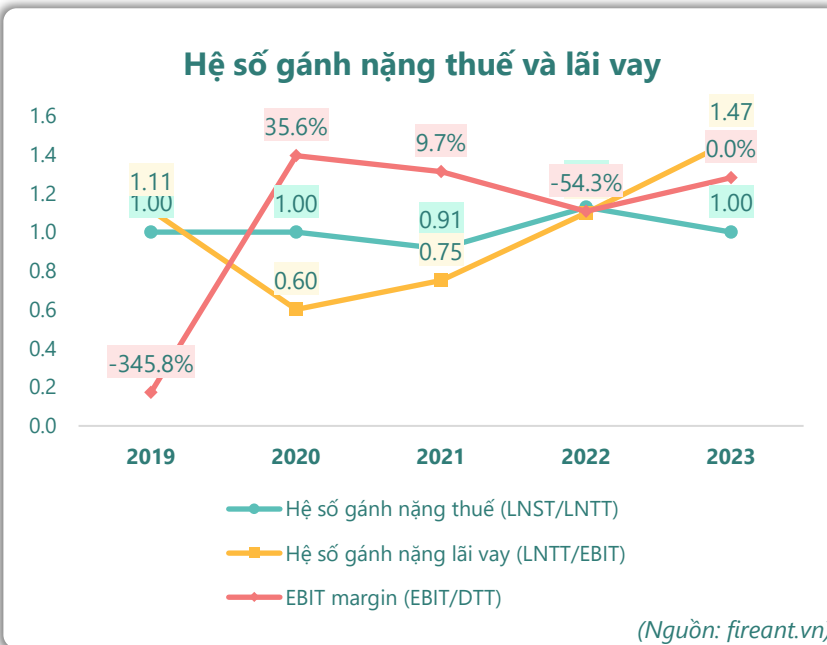
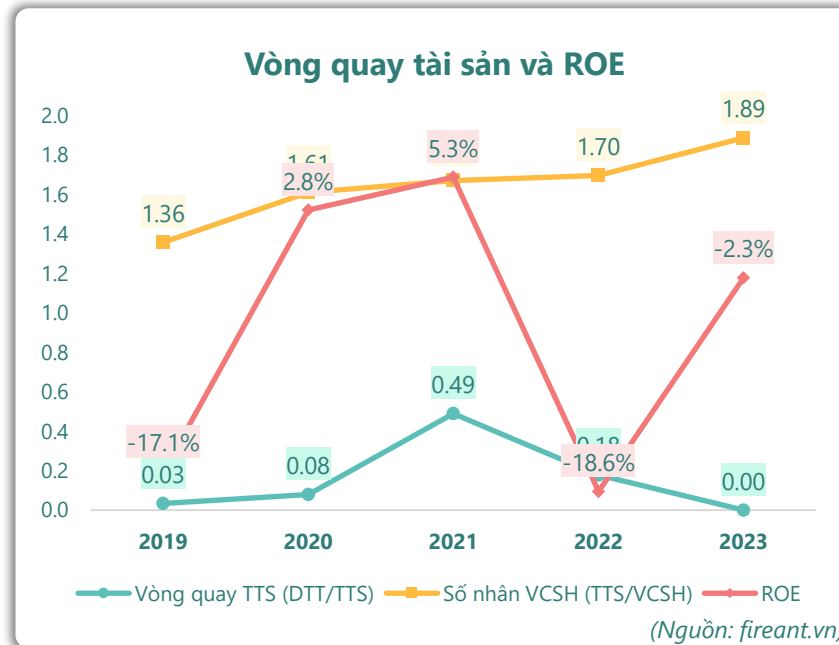
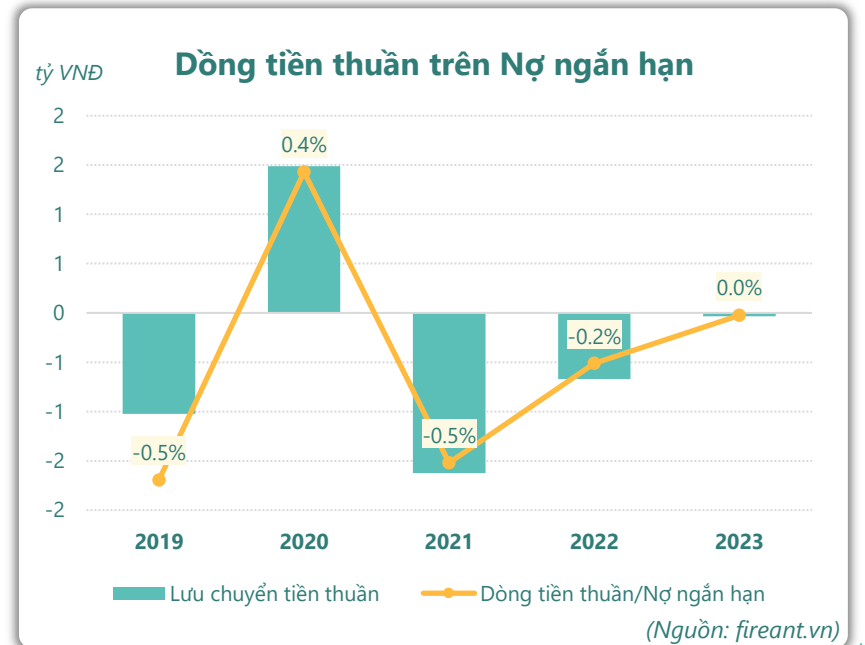
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	0	0.00		0	176	-100%
Giá vốn hàng bán	0	0.00		0	176	-100%
Lợi nhuận gộp	0	0.00		0	0.20	-100%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	1.29	-100.0%
Chi phí TC	-7.87	1.47	-635%	5.75	22.7	-74.6%
Chi phí lãi vay	1.00	1.00	0.0%	4.00	9.43	-57.6%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	1.08	-100%
Chi phí QLDN	1.26	2.33	-45.7%	6.76	74.0	-90.9%
LN thuần từ HĐKD	6.60	-3.80	274%	-12.5	-96.3	87.0%
Lợi nhuận khác	0	0.00		0	-8.64	100%
LN trước thuế	6.60	-3.80	274%	-12.5	-105	88.1%
Lợi nhuận sau thuế	6.60	-3.80	274%	-12.5	-118	89.4%
LNST của CĐ cty mẹ	6.64	-3.76	277%	-12.1	-108	88.8%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.07	84.7	-84.5	0.03	0.02	-30.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.32	-0.20	0	0	0	30.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.69	0.29	84.7	0.20	0.24	0.25
Lưu chuyển tiền thuần	-0.40	84.5	-84.5	0.03	0.02	-0.01
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.29	84.7	0.20	0.24	0.25	0.25

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	976	975	0.0%
Tài sản ngắn hạn	443	412	7.4%
Tiền và tương đương tiền	0.25	0.25	-2.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	428	398	7.7%
Hàng tồn kho	11.3	11.3	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	3.10	3.10	0.0%
Tài sản dài hạn	532	563	-5.4%
Phải thu dài hạn	20.2	20.2	0.0%
Tài sản cố định	368	368	-0.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	156	156	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	-26.6	3.38	-888%
Tài sản dài hạn khác	0.01	0.01	0.0%
Lợi thế thương mại	14.7	14.7	0.0%
Nợ phải trả	458	465	-1.4%
Nợ ngắn hạn	449	447	0.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	98.1	98.1	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	43.1	43.1	0.0%
Nợ dài hạn	9.74	18.1	-46.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	517	511	1.3%
Vốn chủ sở hữu	517	511	1.3%
Vốn điều lệ	577	577	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

